

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST  
Ngày: 31 – 8 – 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Phan Ngọc Quế.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng (viết tắt: Công ty TNHH MTV NN V). Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm: 1978, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn G, sinh năm: 1988, Chức vụ: Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH MTV NN V. Địa chỉ: Xã TB, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022); có mặt.

2. Bị đơn: Hộ kinh doanh U. Địa chỉ: Xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Do ông Trần Minh M, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Xã P, thị xã T, tỉnh An Giang làm Chủ Hộ kinh doanh; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M. Nơi cư trú: Xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có đơn vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2022 và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đinh Văn G trình bày và yêu cầu:*

Từ ngày 06/5/2019 đến ngày 26/5/2022, Công ty TNHH MTV NN V có bán phân bón các loại cho Hộ kinh doanh U do ông Trần Minh M làm chủ hộ kinh doanh theo hợp đồng kinh tế ngày 06/5/2019, nội dung Công ty TNHH MTV NN V cung cấp phân bón các loại sản phẩm phân DAP, URE, KALI giá bán theo từng thời điểm thị trường cho Hộ kinh doanh U theo đơn đặt hàng và Hộ kinh doanh U có trách nhiệm thanh toán 100% tiền mặt hoặc chuyển khoản thời hạn thanh toán là 120 ngày, số dư nợ tối đa là 500.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV NN V. Nếu quá hạn thanh toán thì áp dụng lãi suất 1,5%/tháng và lãi suất 2%/tháng đối với tháng tiếp theo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tính đến ngày 28/4/2021, Hộ kinh doanh U còn nợ Công ty TNHH MTV NN V số tiền vốn 85.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/4/2021 đến ngày 07/6/2022 là 66.869.745 đồng. Tổng cộng vốn và lãi: 151.869.745 đồng (theo bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/4/2022 đến ngày 06/6/2022) do bà Nguyễn Thị M1 (vợ ông Mẫn) ký xác nhận.

Ngày 01/8/2022, Hộ kinh doanh U trả cho Công ty TNHH MTV NN V 40.000.000 đồng, ngày 05 tháng 8 năm 2022 trả 45.000.000 đồng và không còn nợ tiền vốn mua hàng hóa. Hộ kinh doanh U còn nợ Công ty TNHH MTV NN V số tiền lãi chưa thanh toán 66.869.745 đồng.

Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 05/8/2022, Hộ kinh doanh U thanh toán Công ty TNHH MTV NN V xong số nợ vốn mua hàng hóa. Công ty TNHH MTV NN V tự nguyện giảm số tiền lãi phát sinh từ 66.869.745 đồng còn 46.138.000 đồng cho Hộ kinh doanh U, đồng thời yêu cầu Hộ kinh doanh U trả dứt số tiền lãi còn nợ 46.138.000 đồng.

Sau ngày 31/8/2022 nếu Hộ kinh doanh U do ông Trần Minh M làm chủ hộ không trả số tiền lãi 46.138.000 đồng thì Công ty TNHH MTV NN V vẫn tiếp tục tính lãi suất 1,5%/tháng theo hợp đồng đến khi Hộ kinh doanh U trả dứt số nợ trên.

*Bị đơn Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ trình bày và có ý kiến:*

Từ ngày 06/5/2019 đến ngày 26/5/2022, Công ty TNHH MTV NN V có bán hàng phân bón các loại cho Hộ kinh doanh U do ông Trần Minh M làm chủ hộ kinh doanh, nội dung hợp đồng và thực hiện hợp đồng đúng như lời trình bày trên của đại diện Công ty TNHH MTV NN V.

Hộ kinh doanh U đã xác nhận số tiền còn nợ Công ty TNHH MTV NN V 85.000.000 đồng và lãi phát sinh chưa thanh toán (theo bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/4/2022 đến ngày 06/6/2022) do bà Nguyễn Thị M1 (vợ ông M) ký

xác nhận.

Ngày 01/8/2022, ông Mẫn có trả cho Công ty TNHH MTV NN V số tiền vốn là 40.000.000 đồng và ngày 05 tháng 8 tháng 2022 trả 45.000.000 đồng dứt nợ vốn. Hộ kinh doanh U còn nợ lại tiền lãi 66.869.745 đồng chưa thanh toán, Công ty TNHH MTV NN V đã giảm lãi còn 46.138.000 đồng.

Do hoàn cảnh, điều kiện mua bán ế ẩm, làm ăn thua lỗ, bệnh dịch vừa qua và bị các cá nhân mua hàng không trả nợ nên không thanh toán tiền kịp thời cho Công ty TNHH MTV NN V theo hợp đồng và nay Hộ kinh doanh U do ông M làm chủ hộ xin miễn hoặc giảm  $\frac{1}{2}$  đối với số tiền lãi 46.138.000 đồng, xin giảm còn 23.138.000 đồng và hẹn 07 ngày sau trả dứt số nợ lãi còn lại là 23.138.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M1 trình bày và có ý kiến:*

Từ ngày 06/5/2019 đến ngày 26/5/2022, Công ty TNHH MTV NN V có bán hàng phân bón các loại cho Hộ kinh doanh U do chồng bà M1 (Trần Minh M) làm chủ hộ kinh doanh việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế ngày 06/5/2019 nội dung đúng như lời trình bày trên của ông M và đại diện Công ty TNHH MTV NN V.

Bà M1 xác nhận theo bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/4/2022 đến ngày 06/6/2022 do bà M1 ký xác nhận Hộ kinh doanh U còn nợ Công ty TNHH MTV NN V số tiền mua hàng hóa vốn: 85.000.000 đồng và lãi: 66.869.745 đồng.

Hộ kinh doanh U đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV NN V số tiền vốn 40.000.000 đồng vào ngày 01/8/2022 và 45.000.000 đồng ngày 05/8/2022, còn nợ Công ty TNHH MTV NN V số tiền lãi phát sinh do vi phạm hợp đồng là 46.138.000 đồng (đã giảm lãi). Bà M1 yêu cầu Công ty TNHH MTV NN V giảm một phần tiền lãi cho Hộ kinh doanh U để tạo điều kiện cho Hộ kinh doanh U do ông M làm chủ hộ trả số nợ trên cho Công ty TNHH MTV NN V.

**Tại phiên tòa hôm nay:** Đại diện nguyên đơn giảm một phần số tiền lãi 46.138.000 đồng còn 40.000.000 đồng nhằm tạo điều kiện cho Hộ kinh doanh U sớm trả nợ cho Công ty TNHH MTV NN V; bị đơn vẫn giữ ý kiến xin giảm  $\frac{1}{2}$  số tiền lãi và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M1 có đơn vắng mặt.

5. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV NN V do ông Đinh Văn G làm đại diện theo ủy quyền. Buộc anh Trần Minh M đại diện của Hộ kinh doanh U có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV NN V số tiền 40.000.000 đồng và lãi phát sinh kể sau ngày 31/8/2022 với mức lãi 1,5%/tháng (theo hợp đồng) đến khi trả xong đối với số nợ còn lại trên.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn, Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn, Công ty TNHH MTV NN V được chấp nhận, do đó nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và bị đơn Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ có địa chỉ: Số 242, tổ 7, ấp Phú Hưng, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết: Do giao dịch dân sự kinh doanh thương mại được xác lập năm 2019 đến năm 2022 nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án;

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa (vật tư, phân bón) được xác lập năm 2019 đến năm 2022, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự. Xác định đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại hợp đồng mua bán hàng hóa (vật tư, phân bón) được xác lập giữa Công ty TNHH MTV NN V với Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ kinh doanh. Hai bên thực hiện xác lập hợp đồng được thể hiện thông qua hợp đồng kinh tế ngày 06 tháng 5 năm 2019.

[2.1] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Hộ kinh doanh U có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV NN V số tiền lãi còn lại: 46.138.000 đồng và tự nguyện giảm một phần tiền lãi phát sinh cho Hộ kinh doanh U còn 40.000.000 đồng. Hộ kinh doanh U vi phạm

nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi trên nên Công ty TNHH MTV NN V yêu cầu Hộ kinh doanh U phải trả số nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét về phương thức thanh toán: Bị đơn Hộ kinh doanh U có yêu cầu xin giảm 1/2 lãi đối với số tiền lãi còn nợ lại 46.138.000 đồng nhưng không được sự đồng ý của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của Hộ kinh doanh U không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên yêu cầu xin giảm 1/2 lãi phát sinh của Hộ kinh doanh U không có cơ sở xem xét.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do đó nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang.

- Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ kinh doanh phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 50 Luật thương mại;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng do anh Đinh Văn G làm đại diện theo ủy quyền.

Buộc bị đơn Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ kinh doanh trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ kinh doanh không thực hiện việc trả nợ như trên thì còn phải trả lãi cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 1,5%/tháng do các bên thỏa thuận theo hợp đồng kinh tế ngày 06/5/2019 được tính từ sau ngày 31/8/2022 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Hộ kinh doanh U do anh Trần Minh M làm chủ hộ kinh doanh phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng 7.594.200 (bảy triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm) đồng theo biên lai thu số 0005219 ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.T;
- Chi cục THADS TX. T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**Phạm Hữu Dầm**